

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 24-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Kim T (tên gọi khác H), sinh năm: 1987 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú: Số 174D, khu phố 7, thị trấn AB, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm: 1954 (sống) và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1960 (sống), có 02 con sinh năm 2005 và năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 20/10/2019, bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2020 và chuyển sang tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Anh Đặng Minh N, sinh năm: 2002.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 108/2, ấp AB, xã TB, huyện TP, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

2. Ông Lê Quang K, sinh năm: 1979.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 25/3, ấp TH, xã DĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1960.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 174D, khu phố 7, thị trấn AB, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1982.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 75D1, khu phố 7, thị trấn AB, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 02/01/2020, Công an tỉnh Bến Tre kết hợp cùng Công an huyện M, tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang tại tổ nhân dân tự quản số 09, khu phố 7, thị trấn AB, huyện M, tỉnh Bến Tre, Lê Thị Kim T (H) đang thực hiện hành vi bán trái phép một gói ma túy đá với giá 600.000 đồng cho Đặng Minh N, sinh ngày: 06/11/2002 và Lê Quang K, sinh năm: 1979.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm:

- Thu giữ trên người Đặng Minh N: 01 gói nylon hàn kín bốn cạnh, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong ký hiệu M1; 01 điện thoại di động hiệu Masstel, IMEI: 352377062563636.

- Thu giữ trên người của Lê Thị Kim T gồm: 01 gói nylon hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong ký hiệu M2; tiền Việt Nam 600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEI 356858072924963, gắn một sim số 0794.999.668; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, IMEI: 861216035304534, gắn một sim số 0917.814.763.

- Tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Thị Kim T ở khu phố 7, thị trấn AB phát hiện, tạm giữ: 07 gói nylon hàn kín ba cạnh, một cạnh hở; 03 ống nhựa, loại ống hút màu đen, một đầu nhọn, một đầu bằng; 02 kéo bằng kim loại màu trắng; 02 bật lửa; 01 gói nylon hàn kín ba cạnh, một cạnh hở có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 gói nylon hàn kín bốn cạnh, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi da màu đen, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Tất cả được niêm phong trong phong bì số 061370.

Ngoài ra, qua quá trình điều tra xác định được: Do có nhu cầu sử dụng ma túy và cần tiền tiêu xài cá nhân nên T tàng trữ ma túy nhằm mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện thu lợi. Vào khoảng tháng 12/2019, T được một người bạn tên Phát (không rõ lai lịch) cho ma túy để sử dụng, số ma túy còn lại T phân lẻ ra thành nhiều gói nhỏ (gói nylon hàn kín 04 cạnh) bán cho các đối tượng nghiện. Trước khi bị bắt quả tang, T còn bán ma túy cho N và K hai lần tại nhà riêng, cụ thể như sau:

- Khoảng 16 giờ ngày 30/12/2019, sau khi nhận được điện thoại của N hỏi mua ma túy, T đồng ý và hẹn bán cho N một gói ma túy với giá 600.000 đồng, thu lợi 600.000 đồng, lần này N đi cùng K.

- Khoảng 15 giờ ngày 31/12/2019, K điện thoại mua 600.000 đồng ma túy, T đồng ý và hẹn bán cho N một gói ma túy với giá 600.000 đồng, thu lợi 600.000 đồng, lần này N cũng đi cùng K.

Tại Bản kết luận giám định số 01/2020/GĐMT ngày 06/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Gói ký hiệu M1: Tinh thể màu trắng đựng trong gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có khối lượng là 0,0692 gam, loại Methamphetamine.

- Gói ký hiệu M2: Tinh thể màu trắng đựng trong gói nylon hàn kín được niêm phong gửi đi giám định có khối lượng là 0,0406 gam, loại Methamphetamine.

- Gói ký hiệu 061370 bên trong chứa tinh thể màu trắng có khối lượng là 1,4898 gam, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II STT 67 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Tinh thể màu trắng còn lại sau giám định trong gói ký hiệu 061370 là 1,4578 gam. Mẫu giám định gói ký hiệu M1, M2 đã sử dụng hết cho công tác giám định.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSMCN ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Lê Thị Kim T (H) về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra , truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng; người làm chứng bà L giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra; người làm chứng anh N, ông K và người chứng kiến ông H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim T (H) phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Thị Kim T (H) từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho Đặng Minh N: Một điện thoại di động hiệu Masstel, IMEI: 352377062563636.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể còn lại sau giám định có khối lượng 1,4578 gam được niêm phong trong gói ký hiệu 061370; ba ống nhựa, loại ống hút màu đen, một đầu nhọn, một đầu bằng; hai kéo bằng kim loại màu trắng; hai bật lửa; bảy gói nylon hàn kín ba cạnh, một cạnh hở; một túi da màu đen.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Một điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEI 356858072924963, gắn một sim số 0794.999.668; một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, IMEI: 861216035304534, gắn một sim số 0917.814.763 và tiền Việt Nam 600.000 đồng.

Buộc bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng để tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng và người chứng kiến không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo Lê Thị Kim T thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Với mục đích vụ lợi, trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2019 đến ngày 02/01/2020 tại khu phố 7, thị trấn AB huyện M, tỉnh Bến Tre, Lê Thị Kim T đã ba lần bán ma túy cho Đặng Minh N và Lê Quang K, thu lợi bất chính với tổng số tiền 1.800.000 đồng. Tổng khối lượng ma túy mà Lê Thị Kim T đã tàng trữ nhằm mục đích mua bán là 1,5996 gam, loại Methamphetamine.

Bản thân bị cáo Lê Thị Kim T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý , bị cáo cất giữ 1,5996 gam gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán nhiều lần cho nhiều người nên đã vi phạm chế độ quản lý của Nhà nư ớc đối với chất độc được gây nghiện. Do đó, hành vi của bị cáo T đã phạm vào “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với đối tượng tên Phát do không xác định được lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre không đủ cơ sở xử lý. Đối với Đặng Minh N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,0692 gam, loại Methamphetamine do không đủ yếu tố cấu thành “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử lý hành chính là phù hợp theo quy định.

[3] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia và là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Từ đó, cho thấy hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật và góp phần có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này hiện nay.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho Đặng Minh N: Một điện thoại di động hiệu Masstel, IMEI: 352377062563636. Xét thấy việc trao trả vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên ghi nhận.

Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định được niêm phong trong gói ký hiệu 061370 có khối lượng 1,4578 gam, loại Methamphetamine là vật cấm lưu hành; ba ống nhựa, loại ống hút màu đen, một đầu nhọn, một đầu bằng; hai kéo bằng kim loại màu trắng; hai bật lửa; bảy gói nylon hàn kín ba cạnh, một cạnh hở; một túi da

màu đen là những dụng cụ bị cáo dùng vào việc sử dụng và mua bán ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với một điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEI 356858072924963, gắn một sim số 0794.999.668; một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, IMEI: 861216035304534, gắn một sim số 0917.814.763 thuộc sở hữu của bị cáo, là phương tiện bị cáo dùng liên lạc để mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, trong đó khi Cơ quan Cảnh sát Điều tra bắt quả tang đã tạm giữ số tiền 600.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền 1.200.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Lê Thị Kim T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim T (H) phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim T (H) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/01/2020.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[2.1] Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định được niêm phong trong gói ký hiệu 061370 có khối lượng 1,4578 gam, loại Methamphetamine là vật cấm lưu hành; ba ống nhựa, loại ống hút màu đen, một đầu nhọn, một đầu bằng; hai kéo bằng kim loại màu trắng; hai bật lửa; bảy gói nylon hàn kín ba cạnh, một cạnh hở; một túi da màu đen.

[2.2] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Một điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, IMEI 356858072924963, gắn một sim số 0794.999.668; một điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, IMEI: 861216035304534, gắn một sim số 0917.814.763 và tiền Việt Nam 600.000 đồng.

[2.3] Buộc bị cáo Lê Thị Kim T có nghĩa vụ nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0010479 cùng ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Thị Kim T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã thị trấn AB;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Dân